TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2018/HS-ST
Ngày 25/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Quang Lực

2. Bà Lò Thị Dỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2018/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ THÀNH C** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 14/5/1982 tại Hà Nội;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 08, phường P L, quận H Đ, thành phố H N;

Chỗ ở: Tổ dân phố 06, phường N B, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B;

Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê V C, sinh năm 1959 và con bà: Nguyễn T L, sinh năm 1957;

Vợ: Đặng Thị L; Con: Có hai con: Lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/02/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên toà.

* *Người bị hại*: Anh Nguyễn V T – sinh năm 1983. Địa chỉ: Đội 2, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Đ B (Xin vắng mặt tại phiên tòa);

* *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn V B – sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường N B, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B; (Vắng mặt)

2. Anh Trần M T – sinh năm 1971. Địa chỉ: Đội 11, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Đ B; (Vắng mặt)

3. Anh Vũ V H – sinh năm 1988. Địa chỉ: Số nhà 233, tổ dân phố 30, phường M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Khoảng 14 giờ ngày 05/02/2018, sau khi ăn cơm tại nhà anh Nguyễn V B thuộc tổ dân phố 07, phường N B, thành phố Đ B P, Lê T C, Nguyễn V T, Trần M T, ngồi uống nước trên tầng 2 nhà anh B. Khi anh T và anh Tú đi xuống tầng 1, C thấy chiếc điện thoại kèm sim của anh T để trên chiếu nơi mọi người vừa ngồi uống nước nên C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. C lấy chiếc điện thoại tắt nguồn, cất vào túi áo khoác đang mặc để anh T không phát hiện, rồi đi ngủ. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, C mang điện thoại đến cửa hàng mua bán điện thoại H H thuộc tổ dân phố 30, phường M, thành phố Đ B P, đặt vấn đề bán nhưng do C không mở được mật khẩu màn hình của máy điện thoại nên anh H chủ cửa hàng không mua. Trên đường về, C tháo sim vứt xuống đường, về đến phòng trọ C cất giấu chiếc điện thoại dưới gầm bàn thờ thần tài để tránh sự phát hiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Pgiữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo Lê Thành C đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ B Pxác định: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s plus, 16 GB, màu vàng đã qua sử dụng trị giá 5.400.000 đồng; 01 sim điện thoại đã qua sử dụng trị giá 25.000 đồng. Tổng giá trị định giá là 5.425.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản C trộm cắp đã thu giữ được cho người bị hại anh Nguyễn V T. Anh T không yêu cầu C phải bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

- Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 29/CT- VKSTPĐBP ngày 23/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ptruy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Pđề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng: Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê

Thành C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo không đề nghị gì trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Đ B P; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Lê Thành C, người bị hại và những người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 05/02/2018 tại gia đình anh Nguyễn Văn B, tại tổ dân phố 07, phường N B, thành phố Đ B P, Lê Thành C đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T với tổng giá trị là 5.425.000 đồng nên đây là tình tiết định tội được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi trên của bị cáo được chứng minh tại: Đơn trình báo của người bị hại; Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của người bị hại, của những người làm chứng và của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Lê Thành C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ptruy tố bị cáo Lê Thành C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Lê Thành C từ nhỏ sinh ra và lớn lên tại P L, H Đ, H N. C là con thứ nhất trong

gia đình có ba anh em. Bị cáo C được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà. Năm 2007 đến tháng 7 năm 2015, bị cáo làm thợ cơ khí (hàn xì) tại P L, H Đ, H N. Tháng 8 năm 2015 đến nay trú tại tổ dân phố 06, phường N B, thành phố Đ B P làm cơ khí (hàn xì) tại địa chỉ trên. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo hám lời, lười lao động, muốn có thêm tiền tiêu xài cá nhân mà không cần bỏ sức lao đông nên dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, song xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thu nhập từ việc hàn xì thấp nên không có khả năng thi hành. Do vậy, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s plus, 16 GB, màu vàng đã qua sử dụng trị giá 5.400.000 đồng; 01 sim điện thoại đã qua sử dụng trị giá 25.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.425.000 đồng. Người bị hại anh T đã nhận lại chiếc điện thoại, sim điện thoại bị cáo đã vứt đi nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Người bị hại anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường và anh T có ý kiến xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét đề nghị của anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ dung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thành C 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/02/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản ngày 07/02/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thành C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/5/2018). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Nhà tạm giữ Công an TPĐBP;
- Cơ quan CSĐT CATP ĐBP;
- UBND phường N B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điên Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng